

Saigon-Chợ Lớn Và Nam Bộ: Từ Tiền Sử Đến Phù Nam, Đế Quốc Khmer Và Vương Quốc Champa (Phần I)

Nguyễn Đức Hiệp

- **Địa thế**

Ít người biết là vùng đất Saigon-Gia Định-Đồng Nai-Bà Rịa, Cần Giuộc và Mỹ Tho cách đây hơn 300 năm chủ nhân không phải là người Việt, cũng không phải là người Khmer mà là người Mạ và Stieng. Thuộc hệ ngôn ngữ Mon-Khmer, họ đã hiện diện trên vùng đất rừng rậm hoang dại nhiều thú dữ và sông ngòi chằng chịt này từ ngàn năm trước, cuộc sống của họ một phần bị ảnh hưởng sau đó bởi văn hóa Sa Huỳnh, văn minh Phù Nam, văn hóa Chân Lạp-Khmer và sau cùng là văn hóa Việt-Hoa. Ngày nay họ không còn và biến mất hoàn toàn và chỉ còn rã rác ở Đồng Nai và Lâm Đồng. Không như những thổ dân ở một vài nơi trên thế giới được may mắn vẫn còn hiện diện trên đất cha ông của họ sau những tranh đấu gian nan, người Mạ hiền hòa đã không có tiếng nói gì và dư âm rất nhỏ bé còn để sót lại trong lịch sử.

Bài này có mục đích trình bày tổng quan lịch sử con người và văn hóa ở vùng đất Saigon-Đồng Nai trước khi lưu dân người Việt và Hoa đến định cư. Nếu nói về chiều sâu của thời gian trong lịch sử thì lịch sử lập nghiệp và khẩn hoang của lưu dân Việt-Hoa còn sau vài thế kỷ lịch sử người Âu đến Bắc Mỹ và Nam Mỹ lập nghiệp và chỉ trước người Âu đến lập nước Australia không lâu trong vòng 1 thế kỷ. Những gì mà chúng ta tìm được về phương diện nhân chủng và khảo cổ học ở vùng đất này cho thấy tại đây đã có một nền văn hóa bản địa (nay gọi là văn hóa Đồng Nai) đặc sắc có liên hệ với văn hóa Sa Huỳnh, Đông Sơn, Phù Nam và Khmer.

Về địa thế thì Saigon-Chợ Lớn là vùng đất tương đối phẳng phía xa sông (trừ Gò Cây Mai và Gò Vấp), có độ dốc là (không gất) và trũng đi về phía gần sông Saigon, rạch Thị Nghè và rạch Tàu Hủ-Bến Nghé. Vì thế thành Saigon (còn gọi là thành Quy, sau này phá đi và xây nhỏ lại gọi là thành Phụng) được xây trên vùng đất cao nhìn bao quát chung quanh, đồ dốc xuống khu vực Bến Nghé gần sông Saigon, tức vùng quanh khu chợ Cũ ngày nay. Cũng vậy ở khu vực Chợ Lớn, từ kênh Tàu Hủ đi lên hướng Phú Lâm, Phú Thọ độ cao tăng dần.

Xưa kia vùng chung quanh gò Cây Mai và Phú Thọ là những nơi đất giồng cao chung quanh là ao, rạch nên đã trở thành nơi định cư của người Khmer, mô hình định cư thường thấy của họ khắp đồng bằng Cửu Long. Chỉ khi người Minh Hương từ Cù Lao Phố ở Biên Hòa bỏ nơi này để đến khu vực giữa gò Cây Mai và kênh Tàu Hủ định cư, một vị trí thuận tiện có thể đi theo sông rạch đến Mỹ Tho (một nơi mà người Hoa Minh Hương đã có mặt) mà không phải qua cửa ngõ ra biển ở Cần Giuộc, thì vùng Saigon-Chợ Lớn mới bắt đầu có nhiều di dân đến định cư và phát triển để trở thành một đô thị sùng túc và quan trọng nhất sau này ở miền Nam.

Trước đây vùng này có hệ thống kinh rạch dày đặc: từ trung tâm Saigon (rạch Chợ Vải, rạch Cầu Sấu, rạch Cầu Kho...), khu tiếp giáp với quận 3 (rạch Cầu Quan), khu cầu Ông Lãnh (rạch Cầu Ông Lãnh), Chợ Quán (rạch Bà Đò) cho đến Chợ Lớn (rạch Phố Xếp, rạch Chợ Lớn, rạch Bãi Sậy, rạch Lò Gốm). Khởi thủy của Saigon-Chợ Lớn là qua kinh, rạch, sông và đường biển giao lưu với mọi vùng và vì thế đặc trưng văn hóa, kinh tế của thành phố Saigon-Chợ Lớn cũng như con người là sông, nước nổi liền đời sống kinh tế sản xuất, thương mại và tư tưởng văn hóa của nhiều giống dân hội tụ nơi đây.

Ngày nay theo đà phát triển giao thông đường bộ và đô thị, hầu hết các kinh rạch đã bị lấp. Đây cũng là một nguyên nhân cơ bản về thủy văn là tại sao hiện nay Saigon-Chợ Lớn, nhất là khu gần kênh Tàu Hủ từ đường Trần Hưng Đạo vào đến Chợ Lớn, càng dễ bị ngập lụt trong mùa mưa mà ta thường chứng kiến. Ngay cả lúc vào đầu thế kỷ 20, đường Lê Lai vì vị trí thấp so với các đường phía trong xa

sông như Nguyễn Đình Chiểu, Điện Biên Phủ, Nguyễn Thị Minh Khai nên lúc có những trận mưa lớn đều bị lụt.

Saigon là điểm chuẩn coi như trung tâm của Nam bộ chia ra thành hai Tây Nam bộ và Đông nam bộ.

Khi di dân đến vùng ngã ba sông Saigon-kênh Tàu Hủ-rạch Thị Nghè định cư ở dọc bờ sông và rạch, thì phía trong về hướng Tây và Bắc vẫn là rừng hoang rất thưa dân, ở đó vẫn còn những thổ dân bản địa và hoang thú, nhưng dần dần được khai hoang trồng trọt và nơi mờ mả chôn cất được đặt ngoài thành phố Gia Định, như vùng Gò Vấp, cánh đồng tập trận và cánh đồng mả. Vào thế kỷ 18, Lê Quý Đôn trong “Phủ biên tạp lục”, cho biết vùng Saigon còn rừng rậm dày đặc, người “mọi” (Mán) được dùng làm nô lệ cho lưu dân đến vùng đất mới lập nghiệp (6):

“Miền Đồng-nai về phủ Gia-định từ cửa bể Cần Giờ, cửa Sài-lạp, cửa đại và cửa tiểu đều là rừng rậm kể hàng hơn một nghìn dặm. Đây là đất trước kia họ Nguyễn đã đánh Cao-miên mà lấy được. Họ Nguyễn chiêu mộ những dân có cửa ở Quảng-nam, Điện-bàn, Quảng-nghia và Quy-nhân đến ở để khai khẩn đất hoang thành ra ruộng lúa tốt, ai khai hoang được thì có quyền chiếm làm của riêng, làm nhà cửa, mở vườn nương, giồng cau, giồng lúa, giồng dừa. Lại đem những con gái con người xứ mọi bán cho dân ở nơi mới khai khẩn để họ dùng làm tôi tớ (người đen tóc quăn là Mán thực giá tiền 20 quan một người; người hơi trắng giá tiền hơn 10 quan một người). Chúng lấy lẫn nhau sinh sôi khôn lớn, làm ruộng rất khéo. Vì thế thóc gạo rất nhiều. Mỗi một địa phương hoặc 40 hay 50 nhà giàu, hoặc 20 hay 30 nhà giàu. Mỗi nhà có đến 50 hay 60 người điền tốt và trâu bò có đến 300 hay 400 con. Cày bừa cấy gặt không lúc nào rảnh công việc. Hằng năm tháng 11 tháng 12 xay thóc ra gạo, đem bán để ăn tết. Đến tháng giêng thì ăn chơi không phải xay giã gì nữa. Ngày thường bán thóc gạo vào Phú-xuân để mua các thứ lụa hoa, vóc nhiều do tàu buôn Trung-quốc mang đến. Họ ăn mặc lịch sự, ít khi mặc áo vải.”

Như vậy những chủ nhân chính của vùng đất Gia Định, người Mạ, không những đã bị tước đất mà còn bị dồn vào tư thế phải bán con làm nô lệ cho lưu dân người Việt đến lập nghiệp. Ngay cả cho đến giữa thế kỷ 20, Bình Nguyên Lộc sinh trưởng ở Đồng Nai và Biên Hòa cho biết ở vùng Tân Uyên, Biên Hòa, những người Mạ làm tôi tớ cho người Việt vẫn còn và họ đã bị Việt hóa hầu hết vì cha mẹ tổ tiên của họ đã rút về Lâm Đồng và vùng cao nguyên (8). Trong ngôn ngữ ở miền Nam ngày nay, vẫn còn nhiều từ có nguồn gốc từ tiếng Mạ như: cẩm lai, lòng tong (cá), đau xóc, chết giác, cà nanh, dầu long, qua, bậu...(7). Địa danh Đồng Nai cũng bắt nguồn từ tiếng Mạ “Đạ Đờng” (Sông Đờng) nơi gần nguồn từ cao nguyên Lâm Đồng chảy xuống vùng đồng bằng với cánh đồng nhiều nai ở gần Biên Hòa (Hố Nai).

• Thời tiền sử đến thế kỷ 16

Vùng đất Saigon, cũng như toàn khu vực đồng bằng Đông và Tây Nam bộ, được bồi đắp bởi sông Saigon, Đồng Nai, Vàm Cỏ và Cửu Long, bao phủ bởi rừng, cây cối rậm rạp. Sinh vật như cọp, beo, voi, tê giác, nai... sinh sống trải dài khắp nơi từ cao nguyên, các tỉnh Bình Thuận, Bà Rịa đến tận Cần Thơ và Cà Mau. Và trong sông rạch có nhiều cá sấu, rùa và cá heo đặc hữu.

Lương thư sử của Trung quốc cho biết vào thế kỷ thứ 6, vương quốc Phù Nam đã gởi đến triều đình nhà Lương một con tê giác và trước đó vào thời nhà Tấn một con voi. Các lá vàng tìm thấy ở các di chỉ thuộc nền văn minh Phù Nam cho thấy chạm trên các lá vàng này là hình các hình voi như ở Gò Thành (Tiền Giang), Gò Xoài (Long An), Kè Một (Kiên Giang), hoặc chạm hình hươu nai ở các di chỉ mộ táng ở Nền Chùa và Đá Nổi ở Kiên Giang (15). Ngoài ra ở các di chỉ ta còn tìm thấy các xương răng động vật như voi, heo rừng, cá sấu, hươu đầm lầy (cervus porcinus), cá, rùa...

Cho đến thế kỷ 19, nhiều loài thú trên vẫn còn sinh sống ở nhiều nơi khắp đồng bằng sông Đồng Nai và sông Cửu Long. Ông George Dürwell, luật sư và là chủ tịch Hội “Etudes indochinoises de Saigon” sống ở Nam kỳ trong các năm 1881 đến 1910, đã mô tả như sau (2):

“Những con cọp và beo không phải là các loài thú duy nhất sống ở vùng quê Nam Kỳ, mà còn có các đoàn voi hoang dã phá hoại. Ngày xưa chúng ở khắp nơi trong vùng Đồng tháp mườì (plaine des Joncs) rộng lớn, nơi mà một vài thợ săn gan dạ, người Âu và người bản xứ, đã có một cuộc chiến tranh đẫm máu với chúng, và sau đó chúng đã dần dần rút về phía bắc, để vào xứ sở đất khmer, nơi mà trong số các con voi có những con mà thiên nhiên đã cẩn thận quan tâm sinh ra các con voi trắng (albino), các con voi trắng này trở thành con vật đặc biệt được người khmer sùng bái, tôn kính. Gần đây những con voi to lớn vẫn còn làm nhiều người nói về chúng khi các con voi này đi vào vùng Cần Thơ mà chúng phá hoại không thương tiếc, tàn phá tất cả những gì trên đường chúng đi qua. Những cuộc săn bắn thật sự được tổ chức chống lại các đàn voi đều không có hiệu quả: những thợ săn voi cự phách nổi tiếng, thực tế đã biến mất khỏi thuộc địa này cùng lúc với Tổng đốc Lộc đã ngủ giấc ngủ cuối cùng trong một nghĩa địa nhỏ ở Cái Bè, và người bạn đồng hành dũng cảm trong các cuộc thám hiểm của ông Lộc, bá tước V..., cựu thống sứ (resident superieur) ở Cam Bốt, mà mới đây tôi đã có dịp đi đưa đám tang ở trong thành phố lớn Paris của chúng ta, nơi mà ông ta đã tìm thấy một nơi yên nghỉ tốt đẹp xứng đáng.”



Hình 1 - Một con voi bị bắn hạ ở cánh đồng thuộc tỉnh Cần Thơ thời Pháp thuộc (nguồn: <http://www.delcampe.net/page/list/language,E,cat,6556,var,Postcards-Asia-Vietnam.html>).

Thời tiền sử

Khi con người bắt đầu đến vùng đất Saigon và vùng phụ cận chung quanh bao gồm vùng Đông và Tây Nam bộ, môi trường sống của họ rất phong phú và họ sống theo lối sống hái lượm trong rừng và thu hoạch dưới sông rạch, không định cư nhất định ở một nơi. Họ đến Đông Nam Á từ Nam Á (và trước

đó từ Phi Châu) cách đây khoảng 47000 năm (22).

Nếu chúng ta đi ngược thời gian thì cách đây hơn 3 ngàn năm, thì bờ biển từ cửa các sông Đồng Nai-Thị Vại, Vàm cỏ, Cùu Long đến Cà Mau và Kiên Giang còn nằm nhiều cây số bên trong đất liền trước khi được phù sa bồi đắp nở rộng ra cho đến vị trí ngày nay. Nhưng nếu đi xa hơn nữa quá thời Holocene (cách đây 12000 năm khi thời kỳ băng hà cuối chấm dứt) vào thời Pleistocene (từ 2 triệu năm đến 13,000 năm trước đây) trong thời kỳ băng hà cuối (Pleistocene có nhiều thời kỳ băng hà và tan băng) cách đây 20000 năm thì mực nước biển còn thấp (từ 100m đến 150m dưới mực nước biển hiện nay) (23). Lúc đó thềm lục địa ở biển Đông và cả vùng vịnh Thái Lan từ mũi Cà Mau đến Sumatra, Java, Borneo đều ở trên mực nước biển làm thành một vùng đất to lớn mà các nhà địa chất gọi là Sundaland nối liền các đảo Sumatra, Java, Bali, Borneo... với lục địa Á châu.

Trước khi biển tiến cách đây 14,000 năm thì Sundaland cho phép các loại động vật cũng như người cổ ở Đông Nam Á phát tán và đi qua các “cầu đất liền” trên vùng rộng lớn này.. Con người cũng đã đi đến lục địa Úc châu từ Đông Nam Á và Sundaland qua các eo biển hẹp ngăn cách Úc với Sundaland. Con người đã đến Úc cách đây hơn 50000 năm, sớm nhất từ Phi Châu, trước khi có đợt hai từ Trung Đông đến Âu châu. Động vật như loài voi hiện diện ở khắp vùng Nam lục địa Á châu từ Sri Lanka, Ấn độ, Miến Điện, Thái Lan, Nam Trung Quốc (Vân Nam), Đông Dương, Mã Lai đến các đảo hiện nay

Sumatra, và Borneo. Loài voi, *Elephas maximus sumatranus*, ở đảo Sumatra và Borneo giống như loài *Elephas maximus maximus* ở Sri Lanka và *Elephas maximus indicus* ở Ấn Độ và các nơi khác.

Các di chỉ con người cổ được tìm được ở Thái Lan, Mã Lai, Indonesia, Phi Luật Tân (lúc bấy giờ còn nối liền nhau) và qua các phương pháp định tuổi của chúng cho thấy đột tuổi theo tuần tự thời gian là từ khoảng 47000 năm BP (Thái Lan) cho đến 40000-35000 năm BP (Mã Lai, Indonesia, Phi Luật Tân, quần đảo Bismarck). Như vậy con người có thể đến vùng Nam bộ và Tây nguyên vào khoảng 40000 năm cách ngày nay. Chúng ta hiện nay không biết nhiều về cuộc sống xã hội, hình thái chủng tộc của những người đầu tiên này. Họ có liên hệ đến người thuộc chủng *negrito*, hay *australoid* mà hậu duệ vẫn còn hiện nay ở quần đảo Andaman và Nicobar ở Ấn Độ Dương, trong rừng sâu ở bán đảo Mã Lai, quần đảo Phi Luật Tân hay là người Papua ở Papua New Guinea và thổ dân Australian ở Australia hiện nay.

Một bộ xương hầu như còn nguyên vẹn đã được tìm thấy tại một di chỉ hang đá gọi là hang Gua Gunung Runtuh ở Perak, Mã Lai vào đầu thời kỳ Holocene. Phân tích bộ xương này cho thấy xương rất giống thổ dân Úc ngày nay ở hình thái răng và chân tay, và giống những mẫu sọ người ở thời kỳ Mesolithic (đá trung kỳ) ở Mã Lai và đảo Flores. Sự khám phá này, cùng với các xương tìm thấy ở hang đá Tabon (Palawan, Phi Luật Tân) và Niah (bắc Borneo, Sarawak thuộc Mã Lai), hay Ngandong và Wejak cho thấy những người cổ ở Sundaland trong thời Pleistocene muộn có thể là tổ tiên của người thổ dân Úc hiện nay. Các đặc tính qua đo lường ở răng và xương chân ở người cổ Sundaland cho thấy các đặc tính này vẫn còn thấy ở các dân cư trong vùng Đông Nam Á cho đến đầu thời kỳ Holocene. Tuy vậy các khác nhau ở đặc tính về sọ đã được tích tụ từ cuối thời kỳ Pleistocene ở thổ dân Úc và các dân cư đầu tiên vùng Đông Nam Á so với các sọ cổ Sundaland (23).

Trong một nghiên cứu di truyền mới nhất về sự liên hệ của người cổ thổ dân negrito ở bán đảo Mã Lai với các giống dân hiện nay ở Đông Nam Á và Đông Á. Qua phân tích mitochondria DNA (mtDNA) từ mẫu tóc của người negrito ở Mã Lai trong bộ sưu tập Duckworth Collection và các nhóm người khác cho thấy lúc đầu họ chỉ trong phạm vi tây nam Trung quốc, bán đảo Đông Nam Á và Indonesia nhưng sau đó họ đã phát tán nhanh chóng đi khắp Đông Nam Á vào giữa cuối thời băng hà và thời Holocene đá mới cách đây 13000 năm (23).



(1)- Động Tabon,
 (2)- Động Niah
 (3)- Di chỉ người ở Ngandong
 (4)- Di chỉ người ở Wejak. Màu xanh đậm lá cây là thềm Sunda Màu đỏ là đường Wallace chia địa lý sinh học ra hai vùng tiến hóa khác nhau về động và thực vật: vùng Sunda (Đông Nam Á) và Sahul (Papua và Úc Châu)

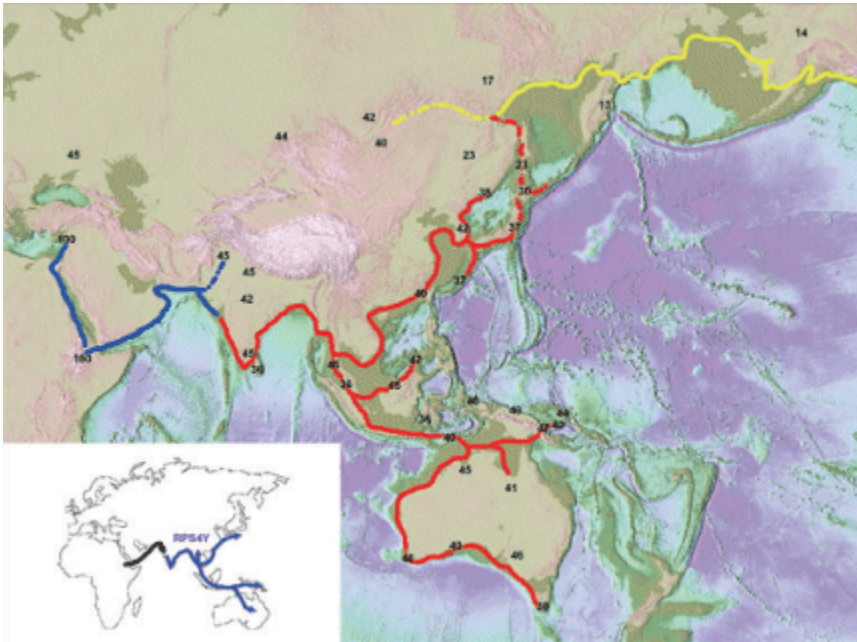
Cách đây từ khoảng 20000 đến 10000 năm, những giống dân cư này bắt đầu tỏa ra đi đến cư ngụ ở vùng thượng du phía bắc và nam Đông Nam Á. Từ đó trong những môi trường mới, họ bắt đầu thuần hóa các cây quả và thú vật lần lần một cách có hệ thống. Sự kết hợp đời sống đánh cá với hái lượm trong rừng, và sự vun xới các cây

như cây đậu, đã cho phép họ thiết lập được đời sống vĩnh viễn, không đi đâu xa, quanh quẩn ở các hang, chủ yếu là gần nguồn nước; đây là cách sống lần lần được các nhóm khác, sống trải rộng trong khắp vùng, tiếp thu và thấu nhận.

Văn hóa của những nhóm người này được gọi là văn hóa Hòa Bình, do sự khám phá các di chỉ có cùng đặc tính chung vào đầu thế kỷ 20 đầu tiên ở tỉnh Hòa Bình, Việt Nam. Sau này các di chỉ tương tự được khám phá ở nhiều nơi khác trong vùng Đông Nam Á. Các đặc tính chung mà ta có thể thấy được về kỹ thuật, tập quán và đời sống hàng ngày trước đây và cho đến tận ngày nay của nhiều sắc dân ở Đông Nam Á.

Cách đây khoảng 14000 năm, mực nước biển tăng lên ở cuối thời kỳ băng hà đã cắt đứt các “cầu” đất liền nối các đảo ở phía nam Đông Nam Á với lục địa Á châu. Và qua đó đã làm tăng nhanh quá trình phân hóa và cách ly giữa các văn hoá bản xứ trong vùng đã bắt đầu phát triển, nhất là ngôn ngữ. Tuy vậy sự kiện xảy ra sau đó không phải là một thời kỳ của sự cách ly xa dần của các nhóm mà là sự phát triển cùng thời của các văn hoá bản xứ này dựa trên một nền tảng chung có cốt rễ là văn hóa Hòa Bình thích ứng với điều kiện riêng ở mỗi địa phương, cộng với sự truyền đạt ý tưởng và kỹ thuật đã cho phép các phát minh tỏa ra trong một vùng địa hình thiên nhiên (23).

Bắt đầu cách nay 10000 BP năm, thì con người thuộc văn hóa Hòa Bình trong thời kỳ đá mới đã có mặt nhiều nơi ở Đông Nam Á và chúng ta hiểu rõ hơn về họ so với người thời đại đá cũ lúc trước, qua các di chỉ cư trú ở hang động ở bắc Việt Nam, Lào, Thái Lan... cùng các dụng cụ đá mài, gốm, xương động vật, vũ sò... tìm được ở các di chỉ cư trú này.



Các vết tích của con người thời kỳ đồ đá cũ và mới được tìm thấy nhiều ở Thủ Đức, Biên Hòa, Xuân Lộc trong lưu vực thượng nguồn sông Saigon và sông Đồng Nai.

Hình 2 - Bản đồ cho thấy con người phát tán từ Phi châu dọc theo bờ biển đến Nam Á, Đông Nam Á chia ra hai ngã: một xuống phía nam đến Australia và một lên Đông Á theo bán đảo Đông Dương (22). Số trên bản đồ là niên đại cách nay (BP, Before Present) đơn vị là ngàn năm của các di chỉ khảo cổ con người. Bản đồ nhỏ trong hình là con đường thiên cư dựa theo dấu di truyền (genetic marker) RPS47C711T (đột biến M130).



Hình 3 - Người Mạ ở Biên Hòa leo cây tìm mật ong (nguồn http://www.postcardman.net/vietnam_ethnic_moi.html).

Có thể nói là trước khi lưu dân người Việt đến thì Saigon đã là nơi định cư của các người Khmer ở phía Tây, ở phía Đông là người Mạ, Chăm, và phía Bắc là Stieng, Khmer và Mạ. Người Mạ và người Stieng là cư dân bản xứ và đã hiện diện lâu đời, có mặt trước hết từ thượng nguồn sông Đồng Nai, sông Saigon, sông Bé, sông Vàm Cỏ xuống đồng bằng hạ lưu của các sông này và sông Tiền Giang

cho đến Cần Giò, Mỹ Tho. Ngôn ngữ của họ, cũng như của người Mnong ở Dak Lak, thuộc hệ Mon-Khmer. Ngày nay người Mạ chỉ còn một số ở Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Thuận và người Stieng còn ở rải rác rất ít trong hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước.



Cách đây không lâu vào đầu thế kỷ 20 đến giữa thế kỷ 20, người Mạ vẫn còn nhiều ở các vùng Bà Rịa, Biên Hòa, Xuân Lộc (Đồng Nai) nay cả các địa phận quanh Saigon như Thủ Đức và người Stieng vẫn còn ở Tân Uyên, và chung quanh Thủ Dầu Một (Bình Dương). Trước đó vào đầu thế kỷ 19, thuyền trưởng John White khi viếng thăm Saigon đã thấy người “mọi” trong Saigon dự cuộc triển lãm do Tả quân Lê Văn Duyệt tổ chức và được Tả quân cho biết đó là những chủ nhân vùng đất này trước khi lưu dân người Việt và Hoa đến.

L. Jammes⁽²⁾ trong quyển “Souvenir du pays d’Annam”⁽³⁾ đã cho biết trong đoàn quân của Nguyễn Tri Phương giữ thành Kỳ Hòa có nhiều người “mọi” thổ dân được dùng để xung kích, la ó dữ dằn cốt làm sợ hải quân Pháp. Khi Pháp chiếm và xây dựng lại Saigon trong những năm 1860s thì một con đường Saigon đã được đặt tên là Rue des Mois (sau đổi tên là Rue Richaud, nay là Nguyễn Đình Chiểu) do có nhiều thổ dân ở đó.



Hình 4 – Người Mạ (còn gọi là Chau Mạ, “Chau” tiếng Mạ nghĩa là người) ở Biên Hòa (đầu thế kỷ 20). (nguồn: http://www.postcardman.net/vietnam_ethnic_moi.html)



Hình 5. Biên Hòa – Người “Mọi” (có lẽ là Stieng) – Đầu thế kỷ 20.

Khi người Khmer, thừa hưởng kế tục văn minh Phù Nam, từ vùng châu thổ sông Cửu Long phía Tây và phía Tây bắc đến và người Chăm từ phía Đông xuống thì hai tộc Mạ và Stieng bắt đầu rút dần lên thượng nguồn, rừng rậm và núi. Saigon là nơi giao điểm của cư dân đồng bằng Khmer, Chăm và cao nguyên Mạ, Stieng. Các vết tích kiến trúc, nghệ thuật của người Khmer được tìm thấy ở nhiều nơi trong Saigon và vùng phụ cận.

Khảo cổ học trong vùng lưu vực các sông Đồng Nai, Saigon, Sông Bé và Vàm Cỏ cho thấy những di chỉ khảo cổ tiền sử phong phú từ thời đồ đá đến thời kỳ đồ đồng và sắt.

Rất nhiều di chỉ khảo cổ thời tiền sử được tìm thấy ở chung quanh Saigon trong khu vực miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là vùng lưu vực sông Đồng Nai. Mộ cổ cự thạch Hàng Gòn là di chỉ nổi tiếng nhất ở gần Xuân Lộc (Đồng Nai) được phát hiện vào năm 1927. Mộ cổ cự thạch do kỹ sư Jean Bouchot phát hiện khi ông thực hiện công trình mở đường từ Long Khánh Xuân Lộc đi Bà Rịa trong địa phận của một đồn điền cao su.

Hai năm sau, khám phá này đã được công bố chi tiết trên tạp chí của trường Viễn Đông Bác Cổ (1929). Khám phá này

đã gây ra nhiều sự chú ý và bàn cãi giữa các nhà khảo cổ học về nguồn gốc, niên đại, chủ nhân và sự liên hệ với các di tích cự thạch khác ở các nơi khác trên thế giới. Các di chỉ cự thạch trên các mộ chôn tương tự tìm được ở Lào (như Hintang Houamuang, San Kong Phanh, tỉnh Houaphan) cho thấy có thể có sự liên hệ của con người thời tiền sử giữa vùng núi Trường Sơn Lào, Tây Nguyên và miền đông Nam bộ.

Vào năm 1984, mộ cổ cự thạch Hàng Gòn được chính thức xếp vào di tích quốc gia. Đây là mộ đá tảng lớn (dolmen) hình hộp chữ nhật dài 4.2 m ngang 2.7 m cao 1.6m được ghép bằng 6 tấm đá hoa cương nguyên khối. Tấm nắp dày khoảng 30cm và nặng hơn 10 tấn. Theo các nhà địa chất học thì đá hoa cương chỉ có ở phía bắc vùng Đà Lạt hay Phan Rang. Di chuyển, nâng và ráp ghép các tảng đá khổng lồ như vậy là một kỳ công của cư dân tiền sử.

Hình 6 - Di chỉ cự thạch mộ đá lớn Hàng Gòn, Xuân Lộc (H. Parmentier) (5). Hình A, tình trạng thật sự ở di tích, B, vị trí suy diễn qua độ cao của đáy phòng và chân các cột.



Gần mộ đá lớn Hàng Gòn, khoảng chục cây số trong khu đồn điền cao su, có các di chỉ thời đá mới cạnh các suối mà Saurin đã khai quật sau khi được các chủ đồn điền thông báo (18). Ngoài ra, trong khu vực vùng Dầu Giây-Xuân Lộc còn có nhiều di chỉ đồ đá cũ do Saurin phát hiện, có tuổi cách đây hơn 10000 năm. Cũng trong khu vực này cũng khám phá các khuôn đồng với niên đại được xác định là khoảng 2000±250 năm trước Công nguyên. Hiện nay các nhà khảo cổ cho rằng chủ nhân mộ cổ cự thạch và nhiều di chỉ đồ đá ở Đồng Nai là cư dân thuộc hệ ngôn ngữ Austronesian Nam Đảo (18)(19). Tuy nhiên cũng không loại bỏ họ là thuộc hệ Austroasiatic Mon-Khmer, tổ tiên của người Stieng, Mạ, Châu Ro ngày nay, đã đến và cư trú đầu tiên ở vùng Đông Nam Bộ.

Di chỉ đồ đá nổi tiếng nhất ở Đồng Nai là di chỉ Cù Lao Rùa, cách Biên Hoà 5.5km, được khám phá từ năm 1888 do Émile Cartailhac khai quật tìm thấy nhiều rìu đá, cuốc, mai đá. Di chỉ này đã được khai quật nhiều lần trong nhiều năm tiếp theo bởi nhiều nhà khảo cổ học và tìm được hàng mấy trăm rìu đá có vai được mài bóng,

nhiều đồ gốm nung. Ở Cù Lao Phố, Bình Đa gần đây, cũng tìm được vài rìu đá mài nhưng không bằng như ở Cù Lao Rùa.



Hình 7 - Cự thạch đứng (menhir) ở Hintang, Lào (ảnh từ <http://www.thai-blogs.com/2009/10/29/hintang-a-near-death-experience/>)

Di chỉ đồ đá Phước Tân nằm ở phía đông trên đường Biên Hòa-Vũng Tàu ở cây số 42, được khám phá khi khởi xây một trại hủ và được Fontaine mô tả (9). Di chỉ này rất phong phú hơn cả di chỉ Cù Lao Rùa, có nhiều hiện vật đá như rìu, cuốc, đục có vai và một số gốm thô.

Trong những năm 1886-1890, Thomas Holbé⁽¹⁾ đã thu thập ở Biên Hoà nhiều hiện vật tiền sử cùng với một số hiện vật ở 20 nơi

khác trong vùng lưu vực sông Đồng Nai như Mỹ Lộc (Cần Giuộc, Long An), Bến Gò (Tây Ninh), trong đó có 10 rìu đồng. Trong tổng số 1200 hiện vật thì 91% là từ Biên Hòa. Bộ sưu tập được triển lãm ở hội chợ quốc tế 1889.

Di chỉ Bến Đò (huyện Thủ Đức) cách cầu xa lộ 3km, rất phong phú gồm có 214 công cụ đá với nhiều rìu đá có vai và hàng ngàn mảnh gốm. Cuối năm 1975, các nhà khảo cổ Việt Nam đã phát hiện ra di chỉ Cầu Säck (huyện Xuân Lộc). Ở nơi đây có 772 công cụ đá mới (gồm rìu có vai, rìu tứ giác..), gốm tìm được. Qua các hiện vật, đời sống dân cư ở đây chủ yếu là săn bắn trong rừng rậm.

Ở về phía vùng đất đỏ miền đông Nam bộ giáp với nam Trường Sơn, trong tỉnh Tây Ninh và ở Lộc Ninh có những di tích thuộc loại hình thành đất vòng tròn. Thành đất gồm hai vòng tròn đồng tâm với vòng ngoài có bán kính khoảng 120m. Những thành đất này tương tự các thành đất ở Cánh đồng chum (Lào), ở Thái Lan và ở tận Madagascar cho thấy chủ nhân những di tích này có thể là người Austronesian hay ít nhất có quan hệ với người Austronesian Champa như Malleret đã đặt ra (19). Những hiện vật tìm thấy gồm rìu đá mài, bàn mài, mũi nhọn, gốm xám tro hay nâu đỏ.

Sau thời đại đồ đá là thời đại đồ đồng và thời đại đồ sắt. Di chỉ Suối Chồn gần di chỉ Cầu Säck được phát hiện vào năm 1978, thuộc thời đại đồng thau, gồm nhiều đồ đồng như rìu, lưỡi hái.. và một số hiện vật đá (rìu) (18). Di chỉ Dốc Chùa (Bình Dương), khám phá vào năm 1976, đánh dấu giai đoạn cao của thời đồng thau, có rất nhiều rìu đá, gốm, hiện vật đồng, khuôn đồng, tượng thú, hạt chuỗi mã não, thủy tinh v.v.. (18)



Hình 8 - Qua đồng Long Giao trưng bày ở bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh (thân gỗ được ghép vào qua đồng để trưng bày công cụ qua đồng)

Ở Dầu Giây, Suối Đá (Xuân Lộc) và Phú Hòa đã phát hiện di chỉ có các hiện vật chuỗi thủy tinh, hoa tai đồng, các mộ chum mai táng, đặc trưng của nền văn hóa Sa Huỳnh. Chứng tỏ văn hóa Sa Huỳnh đã phát triển ở vùng Đông Nam Bộ trên địa bàn lưu vực sông Đồng Nai. Ở Saigon khi đào móng xây nhà thờ lớn (Đức Bà) đã phát hiện di cốt người trong các chum/vò gốm. Bộ sưu tập này đã mất. Đây là phát hiện sớm nhất các mộ chum, trước cả sự phát

hiện mộ chum ở Sa Huỳnh ở miền trung mà sau này được gọi là văn hóa Sa Huỳnh (9).

Năm 1985, các nhà khảo cổ Việt Nam đã khám phá ở gần xã Quảng Ngãi, huyện Đa Huoai, Lâm Đồng trên tả ngạn sông Đồng Nai một khu di tích lớn trên nhiều gò vết tích kiến trúc lớn bằng gạch, các tượng linga, bệ thờ linga-yoni, hình thần siva dập nổi trên một tấm bạc mỏng, thần Uma chiến thắng quỷ trâu, một số rìu đá mài, vòng đồng và gốm cổ. Mặc dầu đây là vùng cư ngụ của dân tộc bản địa Ma nhưng khu di tích này cho thấy có sự quan hệ văn hóa với Champa và văn hóa hậu Óc Eo (19).

Trong khu vực Saigon-Chợ Lớn, Etienne Aymonier (1901) đã ghi nhận tại gò Cây Mai có các những công cụ thời tiền sử gồm những lưỡi cuốc/mai, đục bằng đá mài và rìu nhỏ bằng đồng (19). Năm 1980, ở Vũng Tàu, trong một lòng ao, đã phát hiện một trống đồng Đông Sơn có sao 12 cánh ở giữa mặt trống. Và cuối cùng năm 1984, nhân dân lúc đi làm rẫy đã phát hiện một “kho” vũ khí đồng (qua đồng), rìu đồng ở Long Giao (huyện Xuân Lộc) có liên hệ với văn hóa Đông Sơn (19). Trên 2 mặt qua đồng có trang trí hoa văn rất đẹp, cân xứng giống hệt nhau. Đây là điểm cao của văn hóa đồng ở Đồng Nai.

Chúng ta hiện nay chưa có thể xác định là chủ nhân của các di chỉ tiền sử nói trên là của tổ tiên của người Stieng, Mạ hiện nay hay của người Austronesian Sa Huỳnh từ miền trung Việt Nam và hải đảo.

Người Mạ hiện nay có khoảng 20000 người ở các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Lâm Đồng, DakLac trong đó ở huyện Bảo Lộc (Lâm Đồng) là nơi tập trung nhiều nhất. Họ làm lúa rẫy, thạo dệt vải có hoa văn đẹp, ở nhà sàn dài, có tục cà răng và xăm lỗ tai lớn. Người Stieng đông hơn, chủ yếu ở Tây Ninh, Bình Dương (Sông Bé) và Đồng Nai, nói tiếng rất gần với tiếng Khmer. Trang phục khá đơn giản, đàn bà mặc váy, đàn ông đóng khố. Họ để tóc dài, búi sau gáy, xăm lỗ tai, căng lỗ tai, đeo hoa tai bằng gỗ hoặc ngà và xăm mặt, xăm mình với nét hoa văn hình học đơn giản, cũng có tục cà răng nhưng nay không còn, uống nhiều rượu, ăn trầu. Các sọ cổ tìm được ở Cần Giờ (Gò Cá Trống), ở hạ lưu sông Cửu Long như An Sơn, Gò Tháp, Óc Eo cho thấy rất gần gũi loại hình sọ người Thượng (Stieng, Mạ) hiện nay, chứng tỏ địa bàn của họ xưa kia tán rộng từ Đông Nam Bộ đến đồng bằng sông Cửu Long.

Qua các tư liệu thông tin từ các di chỉ từ thời đồ đá đến thời đồng và sắt tìm được ở lưu vực sông Đồng Nai và Vàm Cỏ như đã nói trên, ta có thể lập giả thuyết là người tiền sử chủng Nam Á Austroasiatic thuộc hệ Mon-Khmer trên lục địa là chủ nhân các di chỉ thời đại đá cũ và mới.

Sau đó trong thời cuối thời kỳ đá mới, đầu thời kỳ đồng đến thời kỳ đồ sắt thì yếu tố Austronesian hải đảo thuộc văn hóa Sa Huỳnh đã đến lưu vực sông Đồng Nai và có ảnh hưởng trên toàn vùng nhất là ở các ven trãi từ Xuân Lộc, Hàng Gòn, Long Thành đến Cần Giờ. Vì thế vùng đất trong khu vực này là vùng giao điểm hay vùng đệm của hai chủng Austroasiatic (ở phía Tây và Nam) và Austronesian (ở phía Đông và Bắc), cũng như sau này là vùng giao điểm của hai nền văn minh Mon-Khmer (Phù Nam, Chân Lạp) và Austronesian Champa.

• Chú thích

(1) Thomas Holbé là dược sĩ phục vụ trong Hải quân Pháp, đến Nam kỳ vào năm 1881. Ông cũng là cộng tác viên Trường nhân chủng học Paris (École d'anthropologie de Paris). Sau khi rời hải quân, ông mở tiệm thuốc ở trung tâm Saigon (nay là nhà hàng Givral vừa bị phá đi), làm phó chủ tịch phòng thương mại (1891-1894), có chân trong Hội đồng quản hạt, tốt nghiệp tiến sĩ dược học (1905). Là nhà sưu tập thông thái, ông có bộ sưu tập đồ đá thời tiền sử ở Nam kỳ, Indonesia. Viếng nhiều nơi như ở Bình Thuận, Tây nguyên và trong các năm đầu thế kỷ 20, ông đã viếng Java, Borneo và bán đảo Mã Lai, Bắc kỳ, Vân Nam, Angkor, Pursat. Cùng với Cardiere ông đi lên vùng núi Quảng Trị tìm hiểu các cư dân “Mọi”.

(2) Ludovic Jammes, nhà báo, thiết lập Courrier Saigonnais năm 1894. Không phải là nhà khoa học, có nhiều tưởng tượng nên Louis Finot đã có bài viết trên tạp chí Trường Viễn Đông Bác cổ chỉ trích về sự thiếu nghiêm túc của Jammes trong các tuyên bố về các hiện vật tiền sử mà Jammes cho rằng đã đến khai quật ở Samrong Sen (Cam Bốt).

• Tham khảo

(1) Louis Malleret, Les fouilles d'Oc-èo (1944). Rapport préliminaire, Les fouilles d'Oc-èo (1944). Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient, 1951, Vol. 45, No. 45-1, pp. 75-88.

(2) George Dürrewell, Ma chère Cochinchine, trente années d'impressions et de souvenirs, février 1881-1910, E. Mignot (Paris), 1911.

- (3) Ludovic-Henry Jammes, Souvenir du pays d'Annam, Challamel (Paris), 1900.
- (4) Antoine Brébion, Dictionnaire de bio-bibliographie générale, ancienne et moderne de l'Indochine française, publié après la mort de l'auteur par Antoine Cabaton, Société d'editions, Géographiques, Maritimes et Coloniales, Paris, 1935
- (5) Henri Parmentier, Vestiges megalithiques à Xuân-Lộc, Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient, 1928, no. 3-4, p. 479-485, <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k934010/f511.tableDesMatières>
- (6) Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, dịch : Ngô Lập Chí, Khoa Xã Hội Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội. 1959, <http://www.vietnamvanhien.net/phubientapluc.html>
- (7) Bình Nguyễn Lộc, Lột Trần Việt ngữ, http://www.binhnguyenloc.de/pages/NghienCuu/LotTranVietNgu/LotTranVietNgu_00.html
- (8) Bình Nguyễn Lộc, Việc mãi nô dưới vòm trời Đông Phố và chủ đất thật của vùng Đồng Nai, tập san Sử Địa, Sài Gòn, số 19-20, 1970.
- (9) James Khoo, Art and Archeology of Fu Nan, ed. by J. Khoo, Bangkok 2004.
- (10) Michael Vickery, Funan reviewed: Deconstructing the Ancients, Bulletin de l' Ecole Francaise d' Extreme Orient, 101–143, 2003, 2004.
- (11) Louis Malleret, L'Archéologie du Delta du Mékong, Part 1.
L'Exploration Archéologique et Les Fouilles d'Oc-Èo, Paris, École Française d'Extrême-Orient, 1959
- (12) Louis Malleret, L'Archéologie du Delta du Mékong, Part 2.
La Civilisation Matérielle d'Oc-Èo. 2 vols., Paris, École Française d'Extrême-Orient, 1960.
- (13) Louis Malleret, L'Archéologie du Delta du Mékong, Part 3.
La Culture du Fou-Nan. 2 vols, Paris, École Française d'Extrême-Orient, 1963.
- (14) The Virtual museum of Khmer art, The Wintermeier collection, <http://www.funan.de/collection.php?lang=en>
- (15) Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, Văn hóa Óc Eo, những khám phá mới, Nxb Khoa học Xã hội, 1995.
- (16) Dougald J. W. O'Reilly, Early civilizations of Southeast Asia, AltaMira Press, Plymouth, 2007
- (17) Michael Vickery, Deconstructing the ancients, Bulletin de L'école française d'Extrême-Orient, 2003, Volume 90, Numéro 90-91, pp. 101-143.
- (18) Lê Trung Khả, Sài Gòn thời tiền sử, trong “Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh”, tr. 13-77, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- (19) Võ Sĩ Khải, Đất Gia Định thế kỷ 7 đến thế kỷ 16, trong trong “Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh”, tr. 81-124, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- (20) Antoine Cabaton, L'inscription Chame de Bien-Hoa, Bulletin de L'école française d'Extrême-Orient, 1904, Vol. 4, No. 4, pp.687-690.
- (21) G. Coedes, The Indinized states of South East Asia, East West Center Press, University of Hawai, Honolulu, 1968.
- (22) Kevin Pope, John Terrel, Environmental setting of human migrations in the circum-Pacific region, Journal of Biogeography, 2008, 35, pp.1-21.

(23) Nguyễn Đức Hiệp, Người cổ Đông Nam Á, http://www.vanchuongviet.org/vietnamese/tulieu_tacpham.asp?TPID=5333&LOAIID=17&LOAIREF=5&TGID=869

(24) Chou Ta-Kuan, The Customs of Cambodia, transl. by John Gilman d'Arcy Paul, Bangkok: The Siam Society 1993.

(25) Lê Hương, Chân Lạp phong thổ ký, 1973, <http://www.viethoc.org/phorum/read.php?10,7478>

07 tháng 06 năm 2011

Nguồn: <http://www.khoahoc.net/>